

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11-10-2018

V/v: Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Cao Thượng.

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 110/2018/TLST-HNGĐ ngày 27/6/2018 về việc: “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/9/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1984; địa chỉ nơi cư trú: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1977; địa chỉ nơi cư trú: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được UBND xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/11/2002. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách, lối sống không hợp. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Đ, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên xin được ly hôn với anh Đ.

Về việc nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Mỹ D, sinh ngày

30/8/2003 và Trần Khánh L, sinh ngày 10/10/2009, hiện đều đang ở cùng chị Th, chị nhận trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu về việc cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Trần Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, anh cùng quan điểm với ý kiến trình bày của chị Th. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ với nhau được nữa, vì vậy, chị Th đề nghị ly hôn, anh nhất trí đề nghị giải quyết ly hôn.

Về việc nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Mỹ D, sinh ngày 30/8/2003 và Trần Khánh L, sinh ngày 10/10/2009. Khi ly hôn, anh để cả 02 con chung cho chị Th nuôi dưỡng và anh yêu cầu được quyền thăm nom con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn Đ có đơn đề nghị xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Th và anh Trần Văn Đ kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng giữa chị Th và anh Đ không có hạnh phúc do tính tình không hợp, hai bên không có giải pháp hòa giải đoàn tụ. Nay chị Th xin ly hôn, anh Đ nhất trí và đề nghị giải quyết ly hôn vắng mặt. Như vậy, chị Th và anh Đ thuận tình ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Th và anh Trần Văn Đ.

[3] Về việc nuôi con: Chị Bùi Thị Th và anh Trần Văn Đ có 02 con chung là Trần Mỹ D, sinh ngày 30/8/2003 và Trần Khánh L, sinh ngày 10/10/2009, hiện đều đang ở cùng chị Th, anh Đ đồng ý để chị Th nuôi cả 02 con chung. Vì vậy, căn cứ các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đủ cơ sở giao cháu D và cháu L cho chị Th tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Trần Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét điều chỉnh.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn là chị Bùi Thị Th phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Th và anh Trần Văn Đ.

2. Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Giao con chung là Trần Mỹ D, sinh ngày 30/8/2003 và Trần Khánh L, sinh ngày 10/10/2009 cho chị Bùi Thị Th tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc chị Bùi Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000165 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy; chị Bùi Thị Th đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận với nhau về việc thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự: 02 bản;
- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã Giao Xuân: 01 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên